TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/10/2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Xuân Thành.
Các Hội thẩm nhân dân: Đào Đình Phúc, Bà Nguyễn Thị Lý.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Xuê - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị N**, sinh năm: 1986
ĐKHKTT: Thôn A, xã T, huyện TM, tỉnh H.

Bị đơn: Anh **Trần Văn C**, sinh năm: 1980
ĐKHKTT: Thôn A, xã T, huyện TM, tỉnh H.

Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình khai tại Toà án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

Chị và anh Trần Văn C tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiền Phong ngày 07/11/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau về tính nết và quan điểm sống nên thường xuyên cãi cọ, xúc phạm nhau. Bên cạnh đó anh C cũng là người không biết quan tâm, chăm sóc gì tới vợ con. Ngay cả bố mẹ đẻ anh C cũng không coi chị là con dâu trong nhà, thường xuyên mắng chửi chị vô cớ và đuổi chị ra khỏi nhà. Anh em của anh C có lần còn bóp cổ và chửi chị nhưng anh C cũng không can thiệp. Do quá chán nản nên tháng 8/2012, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở sau đó đi làm công ty tại Bắc Ninh cho đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai, không đoàn tụ lần nào. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn và đề nghị Tòa án huyện Thanh Miện sớm giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- *Về con chung*: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Tùng L, sinh ngày 20/4/2010, Hiện cháu L đang ở với anh C và được anh C nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định, cháu L cũng có nguyện vọng xin được ở với bố nên chị nhất trí giao con chung cho anh C nuôi dưỡng và sẽ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong bản tự khai, quá trình khai tại Toà án và tại phiên toà bị đơn anh Trần Văn C trình bày*:**

Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị N trình bày là đúng. Anh xác định trong quá trình vợ chồng tổ chức cuộc sống chung đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bố mẹ đẻ và anh em anh đối xử không tốt đối với chị N làm anh suy nghĩ nhiều về gia đình nên ảnh hưởng thần kinh phải đi khám và điều trị. Chị N không hiểu anh, không quan tâm còn hắt hủi, chửi bới và coi thường anh. Giữa chị N và gia đình anh cũng thường xuyên mâu thuẫn, chị N còn không trọn đạo làm dâu dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến năm 2012, chị N đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng anh sống ly thân từ đó đến nay, không đoàn tụ lần nào. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý, tuy nhiên anh cũng không đưa ra được biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Trường hợp chị N vẫn cương quyết ly hôn anh, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung như chị N đã trình bày. Trường hợp ly hôn, anh xin nhận nuôi cháu L, chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh hay không là do trách nhiệm của chị N.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản xác minh với chính quyền UBND xã Tiền Phong, Trưởng thôn và Chi hội phụ nữ thôn An Phong, xã Tiền Phong đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng chị N, anh C xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, trong việc phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau. Bên cạnh đó anh C là người có tính khí thất thường, không ổn định nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến năm 2012, chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn Tiên Động, xã Tiền Phong, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không đoàn tụ lần nào. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh C, đề nghị Tòa án căn cứ vào mâu thuẫn thực tế của vợ chồng và tâm tư nguyện vọng của chị N để giải quyết.

Tại biên bản làm việc với ông Trần Thanh C1 và bà Khổng Thị C2 là bố mẹ đẻ anh C đều xác định vợ chồng anh C, chị N thời gian đầu chung sống hạnh phúc tuy nhiên kể từ thời điểm hai vợ chồng bán hàng ăn tại Hà Nội được một năm thì thua lỗ, dẫn đến xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không ai nhường nhịn ai. Bên cạnh đó kể từ lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh C vì suy nghĩ nhiều nên tính khí thay đổi, không ổn định, thường xuyên bị kích động. Chị N không thông cảm, còn thường xuyên xỉa xói, mắng chửi anh C cũng như xúc phạm ông bà. Năm 2012, chị N đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở, bỏ mặc con còn nhỏ và anh C ở nhà ông bà. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình có khuyên nhủ, bảo ban vợ chồng nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không đoàn tụ lần nào. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh C, ông bà đề

nghị Tòa án căn cứ vào mâu thuẫn thực tế và ý kiến của hai anh chị để giải quyết; Về con chung, anh C, chị N có 01 con là Trần Tùng L, sinh ngày 20/4/2010, hiện đang ở với anh C và ông bà. Khi ly hôn đề nghị Tòa án xét nguyện vọng của cháu L muốn ở với ai thì giao cho người đó. Trường hợp Tòa án giao cháu L cho anh C nuôi dưỡng, ông bà cam kết sẽ hỗ trợ anh C trong việc nuôi dưỡng cháu L để cháu phát triển ổn định và đề nghị Tòa án xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật TTDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV QH 14 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Trần Văn C.

- Về con chung: Giao con chung Trần Tùng L, sinh ngày 20/4/2010 cho anh C tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh C mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 10/2019 trở đi cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị N vẫn có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Chị Vũ Thị N và anh Trần Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiền Phong, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 07/11/2008 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh C, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính nết vợ chồng không hợp nhau, không thống nhất được cách làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, xúc phạm nhau. Giữa chị N và gia đình nhà chồng cũng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Mặc dù đã được họ hàng hai bên gia đình bảo ban, khuyên nhủ nhiều lần nhưng đều không được. Từ tháng 8 năm 2012 đến nay chị N và anh C đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị N xác định anh C không đồng ý ly hôn chỉ là cố ý gây khó khăn cho cuộc sống của chị vì vậy chị kiên quyết xin ly hôn, anh C không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì để níu kéo tình cảm vợ chồng. Chính quyền xã và trưởng thôn, chi hội phụ nữ thôn cũng xác định vợ chồng chị N anh C thường xuyên mâu thuẫn, thời gian ly thân kéo dài từ năm 2012 đến nay không đoàn tụ lần nào. Tòa án cũng tạo điều kiện về thời gian để

anh C và chị N có cơ hội đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy xử cho chị N được ly hôn anh C là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

[2] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Tùng L, sinh ngày 20/4/2010, hiện đang ở với anh C. Cháu L có nguyện vọng xin được ở với bố, bố mẹ đẻ anh C cũng cam đoan sẽ hỗ trợ nuôi dạy, đưa đón cháu đi học, đảm bảo sự phát triển, học tập ổn định của cháu. Tại phiên tòa chị N, anh C thỏa thuận giao con chung cho anh C trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị N tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh C mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 10/2019 trở đi cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, cần chấp nhận.

[3] *Về án phí*: Chị Vũ Thị N phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh C: Giao con chung là Trần Tùng L, sinh ngày 20/4/2010 cho anh C tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị N tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh C mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) kể từ tháng 10/2019 trở đi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Vũ Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm thi hành còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại điều 357, khoản 1 điều 468 BLDS 2015; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0002944 ngày 16/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện. Chị N còn phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện Thanh Miện;*
- *Chi cục THADS huyện Thanh Miện;*
- *UBND xã Tiền Phong;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ vụ án.*

Bùi Xuân Thành